

Bản án số: 472/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30/6/2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Lan Ngọc
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Đỗ Thị Thu Hương
2/ Ông Nguyễn Bảo Lâm

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Sâm

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2020/QĐST – HNGĐ ngày 17/6/2020 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Trần Nhật P, sinh năm 1986;
Địa chỉ: 24 đường Đ, tổ B, phường N, thành phố A, tỉnh A.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đinh Quang S, sinh năm 1989;
Địa chỉ: 288 đường V, Phường N1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Nguyên đơn, bà Trần Nhật P trình bày: Bà và ông Đinh Quang S tự nguyện chung sống từ năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Trích lục kết hôn số 64/TLKH-BS ngày 12/02/2020. Sau khi kết hôn hai bên chung sống một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm hay cãi nhau, vợ chồng nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Hai bên đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đinh Quang S.

Về con chung: Bà Trần Nhật P khai có hai con chung là Đinh Gia L, sinh ngày 28/5/2011 và Đinh Gia B1, ngày 27/5/2018. Ly hôn bà P yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Trần Nhật P khai hai bên không có.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến về các yêu cầu đã trình bày.

Bị đơn, ông Đinh Quang S vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Trần Nhật P có đơn yêu cầu ly hôn ông Đinh Quang S. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tư cách tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định nguyên đơn bà Trần Nhật P, bị đơn ông Đinh Quang S.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do ông Đinh Quang S hiện đang cư trú tại quận T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận T là đúng thẩm quyền.

[4] Về thủ tục tố tụng: Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện từ khi nguyên đơn nộp đơn ly hôn đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt để bị đơn trình bày ý kiến cũng như hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt thể hiện bị đơn không tôn trọng pháp luật và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nguyên đơn vẫn cương quyết ly hôn thể hiện nguyên đơn không còn tin tưởng; không muốn tiếp tục chung sống với bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn khai có hai con chung là Đinh Gia L, sinh ngày 28/5/2011 và Đinh Gia B1, ngày 27/5/2018. Khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận định: Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến nhưng vắng mặt không lý do, hiện nay nguyên đơn là người đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, đồng thời theo nguyện vọng của con chung thì cháu cũng có

nguyên vọng ở với mẹ do đó xét thấy yêu cầu nuôi hai con chung của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bị đơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có.

Án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; căn cứ điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân bà Trần Nhật P được ly hôn ông Đinh Quang S.

Về quan hệ con chung: Giao cho bà Trần Nhật P được trực tiếp nuôi hai con chung là Đinh Gia L, sinh ngày 28/5/2011 và Đinh Gia B1, ngày 27/5/2018, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Đinh Quang S do bà Trần Nhật P chưa yêu cầu.

Ông Đinh Quang S được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không được trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Trần Nhật P nộp. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Trần Nhật P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0039899 ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận T thành tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận T; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Lưu VP, hồ sơ.

Dương Thị Lan Ngọc